

Số: /NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công  
vốn ngân sách nhà nước năm 2024 tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**  
**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà  
nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng  
Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách  
nhà nước năm 2024;*

*Xét Báo cáo số 102 /BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự  
kiến kế hoạch năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng  
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

**1.** Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công năm 2024 phải tuân thủ thực hiện các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Trong đó, lưu ý thực hiện:

1.1. Danh mục dự án và dự kiến kế hoạch vốn năm 2024 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025. Mức vốn bố trí cho từng dự án không

vượt quá kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 trừ đi vốn đã bố trí trong giai đoạn đến hết năm 2023.

1.2. Chỉ giao kế hoạch vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

1.3. Phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, dự án phải hoàn thành xong trước ngày 31/12/2023 và phù hợp với tiến độ thực hiện, khả năng giải ngân trong năm 2024; khắc phục triệt để tình trạng phân bổ vốn dàn trải, bảo đảm bố trí vốn theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

a) Bố trí đủ vốn thanh toán nợ đọng XDCB (*nếu có*), các dự án đã hoàn thành trước ngày 31/12/2023; trả nợ vốn vay đến hạn phải trả; dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024 theo quy định.

b) Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, quy hoạch và vốn đối ứng dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (*nếu có*).

c) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt.

d) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án trên, nếu còn vốn mới bố trí khởi công mới dự án.

## **2. Dự kiến kế hoạch vốn và phương án phân bổ năm 2024**

2.1. Tổng vốn ngân sách địa phương năm 2024 dự kiến là 9.200 tỷ đồng, bao gồm:

- a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: 844 tỷ đồng;
- b) Thu tiền sử dụng đất: 8.000 tỷ đồng;
- c) Thu xổ số kiến thiết: 38 tỷ đồng;
- d) Bội chi ngân sách địa phương: 318 tỷ đồng.

2.2. Tổng vốn ngân sách trung ương năm 2024 dự kiến là 902 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn trong nước là 766 tỷ đồng, phân bổ cho 09 dự án, cụ thể như sau:

- Bố trí đủ 611 tỷ đồng cho 07 dự án chuyển tiếp<sup>1</sup> dự kiến hoàn thành trong năm 2024 (01 dự án nhóm A và 06 dự án nhóm B). Trong đó, phân bổ 200 tỷ đồng cho 01 dự án nhóm A (Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương), thuộc dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Số vốn còn lại 155 tỷ đồng phân bổ cho 02 dự án khởi công mới.

(Chi tiết có phụ lục biểu số 01 kèm theo)

---

<sup>1</sup>- Trong đó, 06 dự án được bố trí vốn ngân sách Trung ương năm 2022 từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội không được kéo dài sang năm 2023, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xét duyệt bố trí đủ vốn còn thiếu theo kế hoạch vốn ngân sách Trung ương 5 năm 2021-2025 đã giao.

b) Vốn nước ngoài là 136 tỷ đồng, phân bổ cho 01 dự án nhóm A chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt. *(Chi tiết có phụ lục biểu số 02 kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và triển khai thực hiện:

1. Căn cứ Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024, hoàn thiện phương án kế hoạch đầu tư công năm 2024 báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Căn cứ quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức lập kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2024 trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

3. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND cấp huyện tăng cường rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Trong đó, đối với vốn đầu tư công cấp tỉnh quản lý, tập trung ưu tiên bố trí vốn đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có sức lan tỏa cao, tạo ra động lực mới, không gian mới phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các dự án giao thông quan trọng thúc đẩy liên kết vùng và các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nông nghiệp, y tế, giáo dục triển khai thực hiện trong giai đoạn 2024-2025.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

} (để báo cáo)

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Hiệu**

**BIỂU SỐ 01 - NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Vốn NSTW năm 2022 nguồn chương trình phục hồi và phát triển KTXH		Vốn NSTW còn thiếu sau năm 2023 theo kế hoạch trung hạn và giải ngân nguồn chương trình phục hồi phát triển KTXH <sup>(1)</sup>	Nhu cầu và dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm (bao gồm các lần điều chỉnh, nếu có)	TMDT (lần cuối)		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Kế hoạch vốn giao	Vốn giải ngân		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>3,593,038.0</b>	<b>2,081,170.0</b>	<b>2,062,170.1</b>		<b>1,088,533.1</b>	<b>531,483.0</b>	<b>129,678.7</b>	<b>843,958.3</b>	<b>1,166,375.0</b>	<b>766,375.0</b>
	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>						<b>332,000.0</b>	<b>295,162.0</b>	<b>293,162.0</b>		<b>38,000.0</b>	<b>50,000.0</b>	<b>9,618.0</b>	<b>245,544.0</b>	<b>195,544.0</b>	<b>195,544.0</b>
(1)	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024</b>						<b>90,000.0</b>	<b>90,000.0</b>	<b>88,000.0</b>		<b>38,000.0</b>	<b>50,000.0</b>	<b>9,618.0</b>	<b>40,382.0</b>	<b>40,382.0</b>	<b>40,382.0</b>
1	Xử lý cấp bách các công trình đê điều tỉnh Hải Dương	B	H. Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Ninh Giang, TP Chí Linh, TP Hải Dương	4,23 km đê và xây dựng mới 09 cống dưới đê	2021-2024	1199; 23/4/2021	90,000.0	90,000.0	88,000.0		38,000.0	50,000.0	9,618.0	40,382.0	40,382.0	40,382.0
(2)	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>						<b>242,000.0</b>	<b>205,162.0</b>	<b>205,162.0</b>					<b>205,162.0</b>	<b>155,162.0</b>	<b>155,162.0</b>
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện Cẩm Giàng, Kinh Môn, Tứ Kỳ, Gia Lộc - tỉnh Hải Dương	B	Cẩm Giàng, Kinh Môn, Tứ Kỳ, Gia Lộc - tỉnh Hải Dương	173 ha	2024-2025	3866, 23/12/2016; 3516, 08/10/2019	72,000.0	35,162.0	35,162.0					35,162.0	35,162.0	35,162.0

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Vốn NSTW năm 2022 nguồn chương trình phục hồi và phát triển KTXH		Vốn NSTW còn thiếu sau kế hoạch trung hạn và giải ngân nguồn chương trình phục hồi phát triển KTXH <sup>(1)</sup>	Nhu cầu và dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm (bao gồm các lần điều chỉnh, nếu có)	TMDT (lần cuối)		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Kế hoạch vốn giao	Vốn giải ngân		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước						
2	Dự án nạo vét và gia cố kênh trung thủy nông Sắt - Phú, huyện Bình Giang	B	Bình Giang	Tưới 1.929 ha đất canh tác; tiêu 2.134 ha phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và bảo vệ môi trường sinh thái (nạo vét lòng kênh 7,5 km và kê gia cố hai bên bờ kênh...)	2024-2025	25/NQ-HĐND; 12/7/2021; 28/NQ-HĐND, 02/6/2023	170,000.0	170,000.0	170,000.0					170,000.0	120,000.0	120,000.0
<b>II Giao thông</b>							<b>3,261,038.0</b>	<b>1,786,008.0</b>	<b>1,769,008.1</b>	<b>1,050,533.1</b>	<b>481,483.0</b>	<b>120,060.7</b>	<b>598,414.3</b>	<b>970,831.0</b>	<b>570,831.0</b>	
(1)	<b>Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</b>						<b>427,388.5</b>	<b>200,000.0</b>	<b>185,000.0</b>	<b>47,525.1</b>	<b>137,474.9</b>	<b>76,551.6</b>	<b>60,923.3</b>	<b>33,340.0</b>	<b>33,340.0</b>	
1	Xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường dẫn Cầu Hàn, đường Ngô Quyền và Quốc lộ 5, thành phố Hải Dương	B	TPHD	01 cầu vượt QL5	2020-2023	2618, 31/8/2020; 1068, 05/4/2021; 2042, 14/7/2021	427,388.5	200,000.0	185,000.0	47,525.1	137,474.9	76,551.6	60,923.3	33,340.0	33,340.0	
(2)	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024</b>						<b>2,833,649.5</b>	<b>1,586,008.0</b>	<b>1,584,008.1</b>	<b>1,003,008.0</b>	<b>344,008.1</b>	<b>43,509.1</b>	<b>537,491.0</b>	<b>937,491.0</b>	<b>537,491.0</b>	
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	A	Thanh Miện, Ninh Giang, Tứ Kỳ	38,5 km	2021-2024	1643, 03/6/2021; 2672, 04/10/2022	1,778,886.0	1,000,000.0	1,000,000.0	800,000.0			200,000.0	400,000.0	200,000.0	
2	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	B	Chí Linh	5,13 km	2022-2024	3849; 25/12/2021	469,820.0	136,008.0	136,008.1		136,008.1	9,667.8	126,340.3	206,340.3	126,340.3	
3	Xây dựng đường gom đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, huyện Kim Thành	B	Kim Thành	4,26 km	2021-2024	4087; 31/12/2020	150,000.0	150,000.0	148,000.0	70,000.0	78,000.0	32,083.1	45,916.9	45,916.9	45,916.9	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Vốn NSTW năm 2022 nguồn chương trình phục hồi và phát triển KTXH		Vốn NSTW còn thiếu sau kế hoạch trung hạn và giải ngân nguồn chương trình phục hồi phát triển KTXH <sup>(1)</sup>	Nhu cầu và dự kiến kế hoạch vốn năm 2024	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm (bao gồm các lần điều chỉnh, nếu có)	TMDT (lần cuối)		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023	Kế hoạch vốn giao	Vốn giải ngân		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước						
4	Xây dựng đường tránh đường tỉnh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	B	Tứ Kỳ	2,16 km	2022-2024	402, 28/01/2022; 806, 28/4/2023	155,943.1	100,000.0	100,000.0		55,000.0	45,000.0	740.3	44,259.7	94,259.7	44,259.7
5	Đường vào Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn)	B	Chí Linh	4,28 km	2022-2024	837, 15/4/2022; 961, 25/5/2023	279,000.3	200,000.0	200,000.0		78,008.0	85,000.0	1,017.9	120,974.1	190,974.1	120,974.1

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup> - Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 phân bổ cho các dự án từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội không được kéo dài sang năm 2023, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định bố trí đủ vốn còn thiếu theo kế hoạch vốn NSTW 5 năm 2021-2025 đã giao để đầu tư hoàn thành dự án theo tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư.

**BIỂU SỐ 02 -NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu và dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài năm 2024						
						TMĐT (lần cuối)					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm		Trong đó: Đã giải ngân các năm 2021, 2022 và kế hoạch vốn năm 2023		Tổng số	Bao gồm	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm (bao gồm lần đầu và các lần điều chỉnh)	Vốn trong nước đối ứng (NSĐP)	Vốn nước ngoài theo Hiệp định)				Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)	Vốn vay lại	Tổng số	Bao gồm		Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)	Vốn vay lại	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)	Vốn vay lại			
								Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)							Vốn vay lại	
									Tổng số	Cấp phát từ NSTW													Vay lại
<b>TỔNG SỐ</b>																							
						1,774,584	443,646		1,330,938	399,281	931,657	376,767	288,040	88,727	683,412	220,084	463,328	454,000	136,200	317,800			
	<b>Lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị (Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024)</b>					1,774,584	443,646		1,330,938	399,281	931,657	376,767	288,040	88,727	683,412	220,084	463,328	454,000	136,200	317,800			
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	A	WB	Ngày 11/10/2019	Ngày 30/6/2025	967; 22/3/2019	1,774,584	443,646	59,119 triệu USD	1,330,938	399,281	931,657	376,767	288,040	88,727	683,412	220,084	463,328	454,000	136,200	317,800		